

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh.

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày yêu cầu:**

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Thanh L có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1995, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2004, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cự cãi. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh L.

- Về nuôi con: Có hai người con chung, Phạm Tuấn V, sinh ngày 01/01/1996 và Phạm Lệ Q, sinh ngày 11/9/2001. Hiện nay các người con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ thu và nợ trả: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Phạm Thanh L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn, về nuôi con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bảo lưu yêu cầu khởi kiện, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến xô xát, tài sản chung đã thỏa thuận, phân chia xong.

Ông Phạm Thanh L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh L ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông Phạm Thanh L cư trú tại ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Thanh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Thanh L có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1995, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2004, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Giấy chứng nhận kết hôn số 419, quyển số 03/2004 ngày 30/7/2004, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Thanh L được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Nguyễn Thị N cho rằng, qua trình chung sống hôn nhân không hạnh phúc, đỉnh điểm là năm 2022 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, xô xát dẫn đến mất hạnh phúc. Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh L, Tòa án đã triệu tập ông L nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà N, cho thấy ông L không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Phạm Thanh L theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có hai người con chung, cháu Phạm Tuấn Vũ, sinh ngày 01/01/1996 (nam) và cháu Phạm Lệ Q, sinh ngày 11/9/2001 (nữ), các người con đã trưởng thành nên khi ly hôn bà N không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án ông L không có ý kiến phản hồi đối với việc nuôi con. Do đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N ly hôn đối với ông Phạm Thanh L.

- Về nuôi con: Có hai người con chung, cháu Phạm Tuấn V, sinh ngày 01/01/1996 và cháu Phạm Lệ Q, sinh ngày 11/9/2001, các người con đã trưởng thành. Khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016081 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà N không phải nộp thêm.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đ.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền